

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ X
TỈNH HÀ G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HSST
Ngày 27-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ X, TỈNH HÀ G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Ngọc Tuấn; Bà Hứa Thị Thu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Minh Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị X, tỉnh Hà G tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Việt Thắng; Bà Dương Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị X, tỉnh Hà G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2022/ TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HS ngày 13/5/2022, đối với các bị cáo:

1/ PHÀN VĂN H, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1986. Tại huyện Vị X, tỉnh Hà G; Nơi ĐKKHKT: Thôn Nậm Q, xã Quảng Ng, huyện Vị X, tỉnh Hà G; Giấy CMND số: 073309424, Cấp ngày 06/7/2009; Nơi cấp: Công an tỉnh Hà G; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Phàn Văn Ch, sinh năm 1955 và bà Chương Thị Th, sinh năm 1963; Từ năm 2005 đến năm 2009 Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Phàn Thị Đ nhưng không đăng ký kết hôn và có 01 con sinh năm 2006; Bị cáo có 03 tiền án: Bản án số 09/2007/HSST ngày 16/3/2007 của TAND huyện Vị X, tỉnh Hà G, xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản; Bản án số 28/2011/HSST ngày 19/5/2011 của TAND tỉnh Hà G và Bản án số 503/2011/HSPT ngày 29/8/2011 của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội, xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài; Bản án số 64/2018/HSST ngày 08/11/2018 của TAND huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/12/2021, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà G. Có mặt.

2/ PHẠM VĂN H, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1982. Tại huyện Vị X, tỉnh Hà G; Nơi ĐKKHKT: Tổ 12, thị trấn Nông trường Việt Lâm, huyện Vị X, tỉnh Hà G; Thẻ CCCD số: 002082000419; Cấp ngày 30/3/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 2/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Phạm Văn L và bà Dương Thị M (đều đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1988 (Đã ly hôn năm 2008) Bị cáo có 2 con, con lớn nhất sinh năm

2006, con nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không: Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/12/2021, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà G. Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Vũ Ngọc Ch, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn Ngọc H, xã Ngọc L, huyện Vị X, tỉnh Hà G. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Tô Mai H, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Tổ 4, phường Ngọc Hà, thành phố Hà G, tỉnh Hà G. Có mặt

- *Người làm chứng:* Nguyễn Văn B, Dương Thị H, Đào Đức Q, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Ngọc H, Vàng Thị V, Vàng Thị L, Vàng Mạnh C. Vắng mặt không có lý do.

- *Người đại diện hợp pháp cho người làm chứng Vàng Mạnh C:* Lý Thị Đ. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/12/2021, Vàng Mạnh C, sinh năm 2004; HKTT: thôn Nậm T, xã Thanh Đ, huyện Vị X, tỉnh Hà G, điều khiển xe máy BKS: 14L1-001.65; nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn vàng – đen, chở PHÀN VĂN H đi từ thành phố Hà G đến chơi nhà Trần Duy Kh ở tổ 12, thị trấn Nông trường Việt Lâm, huyện Vị X, tỉnh Hà G. Tại đây, Cường, PHÀN VĂN H gặp Khánh và Phạm Văn H đang ngồi uống rượu. PHÀN VĂN H vào uống rượu cùng với Khánh và Phạm Văn H, còn Cường thì không uống mà chỉ ngồi chơi. Sau khi uống rượu được khoảng 15 phút thì Phạm Văn H một mình đi bộ về nhà trước, còn Vàng Mạnh C điều khiển xe máy chở PHÀN VĂN H đến nhà Phạm Văn H. Sau đó Cường ở lại nhà Phạm Văn H còn PHÀN VĂN H điều khiển xe máy chở Phạm Văn H đến quán sửa xe của Mai Văn Quyết ở thôn Đồng, xã Trung Thành, huyện Vị X, tỉnh Hà G để sửa chữa xe. Sau khi sửa xe xong PHÀN VĂN H tiếp tục điều khiển xe máy chở Phạm Văn H đi theo hướng Thị trấn Nông trường Việt Lâm đi xã Ngọc Linh. Đến khu vực đập Khuổi Diêm thuộc thôn Ngọc Hà, xã Ngọc Linh, huyện Vị X, tỉnh Hà G, thấy xe máy BKS 23H1-115.18 nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đỏ đen của ông Vũ Ngọc Ch để ở cạnh đường. PHÀN VĂN H điều khiển xe máy đi qua được khoảng 40m thì dừng lại quan sát, thấy không có người nên đã nảy sinh mục đích trộm cắp chiếc xe máy. PHÀN VĂN H rủ Phạm Văn H cùng tham gia, Phạm Văn H nhất trí. Sau đó PHÀN VĂN H đi bộ đến vị trí dựng xe máy BKS 23H1 - 115.18 đứng quan sát thấy đèn báo số “1” trên đồng hồ báo tốc độ của xe vẫn sáng, PHÀN VĂN H tiếp tục quan sát ổ khóa xe BKS 23H1 - 115.18 thấy ổ khóa đang trong tình trạng mở khóa nhưng không có chìa khóa cắm ở ổ khóa. Phạm Văn H đứng ở vị trí dựng xe BKS 14L1 - 001.65 để cảnh giới. Sau khi quan sát và xác định có thể khởi động được xe máy BKS 23H1 - 115.18, PHÀN VĂN H gọi Phạm Văn H đến và bảo Phạm Văn H điều khiển xe BKS 23H1 - 115.18 đi về hướng thị trấn nông trường Việt Lâm, còn PHÀN VĂN H đi bộ đến vị trí dựng xe BKS 14L1 - 001.65 điều khiển đi theo phía sau. Cả hai cùng đi về và dựng xe máy ở sân nhà Phạm Văn H. Sau đó Phạm Văn H mở cửa nhà và gọi Cường dậy, còn PHÀN VĂN H lấy 01 (Một) chìa khóa xe máy của PHÀN VĂN H mang theo từ trước cắm vào ổ khóa xe mô tô biển kiểm soát 23H1 - 115.18 thử tắt, mở khóa thì thấy có thể sử dụng được nên PHÀN VĂN H để nguyên chìa khóa đó trong ổ khóa, sau đó PHÀN VĂN H quay đầu xe BKS 23H1 - 115.18 và bảo Cường điều khiển. Còn PHÀN VĂN H điều

khuyến xe BKS 14L1-001.65 chở Phạm Văn H cùng nhau lên thành phố Hà G. Đến khu vực cây xăng Quân đội thuộc phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà G, Vàng Mạnh C đưa xe BKS23H1-115.18 cho PHÀN VĂN H điều khiển chở Phạm Văn H đi, còn Cường điều khiển xe BKS 14L1-001.65 đi về phòng ở trọ của Cường, thuộc tổ 16 Phường Minh Khai, thành phố Hà G. PHÀN VĂN H chở Phạm Văn H đến cửa hàng mua bán xe máy của chị Tô Mai H ở tổ 04, phường Ngọc Hà, thành phố Hà G để bán xe máy trộm cắp với giá 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*). Quá trình giao dịch bán xe, do PHÀN VĂN H không có giấy tờ cá nhân nên Phạm Văn H lấy thẻ căn cước công dân của mình đưa cho chị Hiền để viết giấy bán xe, nhưng do Phạm Văn H không biết chữ nên PHÀN VĂN H viết và ký tên Phạm Văn H vào giấy bán xe. Vì bà Hiền không có tiền mặt nên PHÀN VĂN H đã yêu cầu bà Hiền chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng ngân hàng Viettin Bank, mang tên Trù Thị Liên, số tài khoản: 97041501 0459 8928. Sau khi nhận được tiền PHÀN VĂN H và Phạm Văn H rút hết 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) rồi chia nhau mỗi người được 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) và thống nhất cho Vàng Mạnh C 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*). Sau đó, cả hai người đi về phòng trọ của PHÀN VĂN H thuộc tổ 16 Phường Minh Khai, thành phố Hà G. Tại đây PHÀN VĂN H đưa cho Vàng Mạnh C 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) rồi cùng nhau ăn cơm, uống rượu. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày Phạm Văn H bắt xe taxi về nhà ở thị trấn nông trường Việt Lâm, huyện Vị X. Đến 19 giờ 00 phút ngày 25/12/2021, ông Vũ Ngọc Ch đã đến Cơ quan chức năng trình báo sự việc bị mất trộm chiếc xe mô tô biển BKS 23H1 - 115.18.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 30/12/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Vị X, kết luận:

- 01 (*Một*) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23H1 - 115.18; Nhãn hiệu: YAMAHA; Số loại: SIRIUS; Dung tích: 110; Màu sơn: Đỏ - Đen; Số khung: C6H0EY052551; Số máy: 5C6H052571; Xe đã qua sử dụng (Đăng ký lần đầu ngày 03/6/2014) có giá trị là: 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Văn H đã giao nộp 340.000đ (*Ba trăm bốn mươi nghìn đồng*) là tiền được chia do bán tài sản trộm cắp mà có, bao gồm: 03 (*Ba*) tờ tiền có mệnh giá 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*); 01 (*Một*) tờ tiền có mệnh giá 20.000đ (*Hai mươi nghìn đồng*); 02 (*hai*) tờ tiền có mệnh giá 10.000đ (*Mười nghìn đồng*); tổng số: 06 (*Sáu*) tờ tiền Việt Nam đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 59/KL-PC09 ngày 20/01/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà G kết luận: 06 (*Sáu*) tờ tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật (*có bảng kê mệnh giá và số seri kèm theo*).

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại cùng nhất trí với kết luận định giá tài sản và kết luận giám định nêu trên.

Cáo trạng số 13 /KSĐT ngày 08/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị X, tỉnh Hà G đã truy tố: Bị cáo PHÀN VĂN H về tội: Trộm cắp tài sản. Theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Bị cáo Phạm Văn H về tội: Trộm cắp tài sản. Theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị X, tỉnh Hà G sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo PHÀN VĂN H, Phạm Văn H, phạm tội: Trộm cắp tài sản; Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58

Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt đối với bị cáo PHÀN VĂN H từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 30/12/2021); Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt đối với bị cáo Phạm Văn H từ 6 tháng đến 9 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 30/12/2021).

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Vũ Ngọc Ch không đề nghị các bị cáo bồi thường thiệt hại, do đó không xem xét xử lý.

- Bà Tô Mai H đề nghị các bị cáo hoàn trả số tiền 5.500.000đ. Xét thấy việc đề nghị của bà Hiên là có căn cứ, do vậy cần chấp nhận đề nghị của bà Hiên. Bị cáo PHÀN VĂN H đã tác động gia đình trả lại cho bà Tô Mai H số tiền 3.000.000đ, bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo Phạm Văn H phải trả lại cho bà Tô Mai H 2.500.000đ (Bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 340.000đ trong quá trình điều tra, do vậy bị cáo còn phải trả lại cho bà Hiên số tiền là 2.160.000đ).

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) chìa khóa một đầu bọc nhựa màu đen có in chữ “YAMAHA”

- Trả lại cho bị cáo PHÀN VĂN H: 01 (Một) chiếc điện thoại di động vỏ nhựa màu đen, mặt sau in chữ NOKIA, bên trong khay chứa pin có ghi số Code: 23KIG03VN00; Imei: 35384650156832. Tại khay sim có gắn sim 4G VIETTEL ghi các dòng số gồm: 89840, 48000, 33415, 6797”; 01 (Một) Sim 4G VIETTEL ghi các dòng số gồm: 8984, 04800, 03032, 42469”; 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt sau màu xanh – tím in chữ VIVO; Imei 1: 864739046082333, Imei 2: 864739046082325. Trong khay sim có gắn 01 (Một) sim 4G VIETTEL ghi các dòng số gồm: 8984, 04800, 03352, 17482”. Điện thoại có ốp vỏ nhựa mặt sau in hình một bé trai; 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 14L1 – 001.65; Nhãn hiệu YAMAHA; Loại xe: SIRIUS; Màu sơn: Vàng – Đen, số máy: 5C64-556801; Số khung: C640BY556799, xe đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn H: 01 (Một) căn cước công dân số 002082000419, mang tên Phạm Văn H do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/02/2021.

- Đối với số tiền 340.000đ (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng) bị cáo Phạm Văn H giao nộp là số tiền do phạm tội mà có, đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho bà Tô Mai H số tiền trên.

- Đối với: 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân số 073072071 mang tên Đào Xuân Thịnh do Công an tỉnh Hà G cấp ngày 28/01/2008; 01 (Một) thẻ ATM ngân hàng Viettin Bank, số in trên thẻ: 97041501 0459 8928, mang tên TRU THỊ LIEN có giá trị từ 01/21 đến 01/27, hiện nay Đào Xuân Thịnh và TRU THỊ LIEN đều không có mặt tại địa phương nên chưa tiến hành lấy lời khai được. Do vậy đề nghị HĐXX tuyên giao lại cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩ X tiếp tục điều tra, xác minh, nếu có dấu hiệu phạm tội sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bị cáo PHÀN VĂN H là người dân tộc thiểu số, Bị cáo Phạm Văn H sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và gia đình của các bị cáo đều thuộc hộ cận nghèo của xã, nên các bị cáo có đơn xin miễn giảm án phí hình sự sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 để miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

- *Ý kiến Bị cáo PHÀN VĂN H:* Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo cũng rất hối hận vì thiếu suy nghĩ nên đã phạm tội, khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện trả lại người có quyền lợi liên quan số tiền bị cáo được chia do phạm tội mà có, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Ý kiến Bị cáo Phạm Văn H:* Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Ý kiến của bị hại:* Nhất trí với ý kiến của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo về tội danh; về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Văn H và xử phạt bị cáo PHÀN VĂN H theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nhất trí với ý kiến của Viện kiểm sát về phân trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo. Ngày 16/4/2022 bị cáo PHÀN VĂN H đã nhờ người nhà là chị Vàng Thị Viên trả lại chị Hiền số tiền 3.000.000đ còn lại 2.500.000đ đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vị X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng. Căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định xét xử vắng người làm chứng.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo PHÀN VĂN H, Phạm Văn H khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như: Đơn trình báo mất xe của bị hại, Biên bản xử lý vụ việc; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, Biên bản trả lại tài sản bị trộm cắp cho bị hại, kết luận định giá tài sản. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo PHÀN VĂN H là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê bị cáo Phạm Văn H lén lút lấy trộm 01 chiếc xe máy dựng bên lề đường không có người coi giữ, trị giá 6.000.000đ của bị hại Vũ Ngọc Ch, với mục đích để đem đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, sau khi các bị cáo đã hoàn thành việc mua bán tài sản do trộm cắp mà có thì bị phát hiện và bắt giữ.

[4] Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000*

đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a,....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)...

g) Tái phạm nguy hiểm.

[5] Hành vi nêu trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản; căn cứ vào giá trị tài sản bị chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị X, tỉnh Hà G truy tố các bị cáo PHÀN VĂN H và Phạm Văn H về tội Trộm cắp tài sản và xác định tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn H theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo PHÀN VĂN H căn cứ vào tiền án để xác định : Năm 2007 Tòa án nhân dân huyện Vị X, tỉnh Hà G xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản; Năm 2011 Tòa án nhân dân tỉnh Hà G xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài; Năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 09 tháng 11 năm 2020 Bị cáo PHÀN VĂN H đã chấp hành án xong, đến ngày 25 tháng 12 năm 2021 bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới, vì vậy: Viện kiểm sát truy tố Hành vi phạm tội của bị cáo PHÀN VĂN H thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, quy định tại điểm g, Khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Các Bị cáo là công dân có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nên phải nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo đã cố ý lén lút lấy trộm xe máy của bị hại đem đi bán lấy tiền tiêu sài, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự an toàn xã hội nơi xảy ra vụ án, do đó cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự và buộc các bị cáo phải chịu một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác đang diễn ra phức tạp trong tình hình hiện nay.

[7] Xét về nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, Hội đồng xét xử - xét thấy: Nguyên nhân dẫn đến các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do bột phát, khi quan sát thấy xe máy để bên đường không có sự kiểm soát của chủ sở hữu, đồng thời xe đang trong tình trạng mở khóa nhưng không có chìa cắm ở ổ khóa, các bị cáo đã nảy sinh lòng tham để trộm cắp tài sản.

[8] Xét tính chất, mức độ, vai trò phạm tội của mỗi bị cáo để cá thể hóa hình phạt như sau: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Đối với bị cáo PHÀN VĂN H là người giữ vai trò chính khởi xướng, bàn bạc, lôi kéo bị cáo Phạm Văn H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đồng thời bị cáo trực tiếp thực hiện đem tài sản đi tiêu thụ, số tiền bán xe máy do trộm cắp mà có, bị cáo cũng là người chủ động phân chia cho bị cáo Phạm Văn H mỗi người được 2.500.000đ, còn lại 500.000đ PHÀN VĂN H đã cho Vàng Văn Cường. Xét về tiền án Bị cáo PHÀN VĂN H thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên bị cáo phải chịu mức hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự có mức hình phạt từ 02 đến 07 năm tù. Đối với bị cáo Phạm Văn H khi bị rủ rê lôi kéo, bị cáo đã tích cực giúp sức tạo điều kiện thuận lợi và trực tiếp cùng bị cáo PHÀN VĂN H thực hiện hoàn thành

hành vi trộm cắp và đưa xe máy đi bán, giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 6.000.000đ nên bị cáo phải chịu hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[9] Xét Nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo PHÀN VĂN H có nhân thân xấu, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, khi phạm tội trong quá trình điều tra ban đầu còn quanh co chối tội, qua đấu tranh khai thác bị cáo đã tự nguyện khai báo, trong thời gian Tòa án chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, bị cáo đã nhờ gia đình tự nguyện trả lại chị Tô Mai H 3.000.000đ là tiền bị cáo được chia phần từ việc bán xe máy do trộm cắp mà có, tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, khi hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện, cơ quan điều tra đã thu hồi ngay xe máy bị trộm cắp để trả lại bị hại nên chưa gây thiệt hại về tài sản. Do bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b,h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Đối với bị cáo Phạm Văn H là người dân lao động sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp nhận thức pháp luật còn hạn chế, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa thật thà khai báo, ăn năn hối cải, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi ngay và trả lại người bị hại nên chưa gây thiệt hại về tài sản, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm h,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[10] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét thấy gia đình các bị cáo thuộc hộ cận nghèo của xã, mức thu nhập trung bình thấp, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại Vũ Ngọc Ch là chủ xe máy biển kiểm soát 23H1 - 115.18 không đề nghị các bị cáo phải bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tô Mai H yêu cầu Hội đồng xét xử buộc các bị cáo PHÀN VĂN H và Phạm Văn Hoàn trả 5.500.000đ là tiền chị Hiên đã trả cho các bị cáo để mua xe máy biển kiểm soát 23H1 - 115.18. Ngày 16/4/2022, bị cáo PHÀN VĂN H đã tự nguyện trả lại chị Hiên số tiền 3.000.000đ, còn lại 2.500.000đ đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải trả lại chị Hiên theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi mua xe máy BKS 23H1 - 115.18 của PHÀN VĂN H và Phạm Văn H, chị Hiên không biết xe máy là do trộm cắp được mà có nên đã tự nguyện thỏa thuận mua với giá 5.500.000đ, khi hành vi phạm tội của các bị cáo bị phát hiện chị Hiên đã tự nguyện khai báo và giao nộp cho cơ quan điều tra để trả lại bị hại. Vì vậy: Các bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả lại chị Hiên số tiền 5.500.000đ đã phân chia cho bị cáo PHÀN VĂN H được 3.000.000đ (trong đó bị cáo PHÀN VĂN H đã tự nguyện cho Vàng Văn C 500.000đ) và bị cáo Phạm Văn H được chia 2.500.000đ. Trong thời gian Tòa án chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử bị cáo PHÀN VĂN H đã tự nguyện hoàn trả lại chị Tô Mai H 3.000.000đ và không yêu cầu Vàng Văn C phải trả lại bị cáo 500.000đ. Còn lại 2.500.000đ bị cáo Phạm Văn H phải có trách nhiệm trả lại chị Tô Mai H theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 579 Bộ luật dân sự.

[13]. Về vật chứng: Khi hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện cơ quan điều tra đã tiến hành tạm giữ 01xe máy BKS 23H1-115.18 nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đỏ đen đã qua sử dụng, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số: 009570 mang tên chủ xe Trương Thị Hoa, sinh năm 1963, địa chỉ: thôn Ngọc Hà, xã Ngọc Linh, huyện Vị X, tỉnh Hà G. Xác định là tài sản hợp pháp của ông Vũ Ngọc Ch, xem xét đến điều kiện cần thiết của gia đình bị hại cần có phương tiện thiết yếu để phục vụ cuộc sống nên cơ quan điều tra đã quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu là có căn cứ phù hợp với điều kiện thực tế, đúng quy định của pháp luật.

[14].Các vật chứng cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục thi hành án huyện Vị X, gồm có: 01 xe máy đã qua sử dụng; biển kiểm soát 14L1 – 001.65; Nhãn hiệu YAMAHA; Loại xe: SIRIUS; Màu sơn: Vàng – Đen, số máy: 5C64-556801; Số khung: C640BY556799, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thì hiện tại đang thuộc quyền quản lý hợp pháp của bị cáo PHÀN VĂN H; 01 chìa khóa một đầu bọc nhựa màu đen có in chữ “YAMAHA”; 01 chiếc điện thoại di động vỏ nhựa màu đen, mặt sau in chữ NOKIA; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt sau màu xanh – tím in chữ VIVO; 01 thẻ ATM ngân hàng Viettin Bank, số in trên thẻ: 97041501 0459 8928, mang tên TRU THỊ LIEN; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 073072071 mang tên Đào Xuân Thịnh do Công an tỉnh Hà G cấp ngày 28/01/2008; 01 thẻ căn cước công dân số 002082000419 mang tên Phạm Văn Hdo Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/02/2021; 340.000đ (*Ba trăm bốn mươi nghìn đồng*) là tiền Phạm Văn Hđược chia do bán xe trộm cắp mà có, hiện đang được quản lý tại Kho bạc Nhà nước huyện Vị X .

[15] Hội đồng xét xử xét thấy: 01 xe máy đã qua sử dụng biển kiểm soát 14L1 – 001.65; Nhãn hiệu YAMAHA; Loại xe: SIRIUS; Màu sơn: Vàng – Đen, số máy: 5C64-556801; Số khung: C640BY556799, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thì hiện tại đang thuộc quyền quản lý hợp pháp của bị cáo PHÀN VĂN H; 01 chìa khóa đầu bọc nhựa màu đen có in chữ “YAMAHA”; 01 chiếc điện thoại di động vỏ nhựa màu đen, mặt sau in chữ NOKIA; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt sau màu xanh – tím in chữ VIVO; 01 thẻ ATM ngân hàng Viettin Bank, số in trên thẻ: 97041501 0459 8928, mang tên TRU THỊ LIEN; 01 (*Một*) Giấy chứng minh nhân dân số 073072071 mang tên Đào Xuân Thịnh do Công an tỉnh Hà G cấp ngày 28/01/2008 là tài sản của bị cáo PHÀN VĂN H; 01 thẻ căn cước công dân số 002082000419, mang tên Phạm Văn Hdo Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/02/2021. Các tài sản, nêu trên không phải là vật chứng, không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án. Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự trả lại các bị cáo.

[16] Số tiền 340.000đ (*Ba trăm bốn mươi nghìn đồng*) là tiền Phạm Văn Hđược chia do bán xe trộm cắp mà có, hiện đang được quản lý tại Kho bạc Nhà nước huyện Vị X. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm b khoản 1 Điều 147 Bộ luật Hình sự. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[17] Về án phí: Bị cáo PHÀN VĂN H là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, Gia đình bị cáo PHÀN VĂN H, Phạm Văn Hlà hộ cận nghèo của xã, đồng thời các bị cáo có đơn xin miễn án phí, Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo Phạm Văn H.

[18] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tô Mai H: Khi mua xe máy BKS 23H1 - 115.18 của các bị PHÀN VĂN H và Phạm Văn H, không biết là tài sản do

trộm cắp được mà có, do đó cơ quan điều tra không xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

[19] Đối với Vàng Văn Cường: Cơ quan điều tra xác định Cường có giúp PHÀN VĂN H và Phạm Văn H điều khiển xe mô tô BKS 23H1 – 115.18 từ nhà Phạm Văn H đến thành phố Hà G và được PHÀN VĂN H cho 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) trích từ số tiền bán xe trộm cắp. Tuy nhiên, Cường hoàn toàn không biết chiếc xe máy và số tiền 500.000đ này là do PHÀN VĂN H và Phạm Văn H trộm cắp mà có, đồng thời bản thân Cường cũng không tham gia vào việc trộm cắp tài sản cùng PHÀN VĂN H và Phạm Văn H nên không xử lý hình sự đối với Cường. Hội đồng xét xử không xem xét.

.Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các Bị cáo PHÀN VĂN H, Phạm Văn H, phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. Hình phạt: Áp dụng Điều 58; điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo PHÀN VĂN H 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 30/12/2021).

- Áp dụng Điều 58; khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 30/12/2021) 3.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 579 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Phạm Văn H phải trả lại chị Tô Mai H, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Tổ 4, phường Ngọc Hà, thành phố Hà G, tỉnh Hà G số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Tô Mai H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Phạm Văn H chưa thi hành xong khoản tiền phải bồi hoàn nói trên cho chị Hiên, thì hàng tháng bị cáo Phạm Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự **tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.**

4. Vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Trả lại bị cáo PHÀN VĂN H tài sản không phải là vật chứng, không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án: 01 xe mô tô biển kiểm soát 14L1 – 001.65; Nhãn hiệu YAMAHA; Loại xe: SIRIUS; Màu sơn: Vàng – Đen, số máy: 5C64-556801; Số khung: C640BY556799, xe đã qua sử dụng, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thì hiện tại đang thuộc quyền quản lý hợp pháp của bị cáo PHÀN VĂN H; 01 chìa khóa một đầu bọc nhựa màu đen có in chữ “YAMAHA”; 01 chiếc điện thoại di động vỏ nhựa màu đen, mặt sau in chữ NOKIA; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt sau màu xanh – tím in chữ VIVO; 01 thẻ ATM ngân hàng Viettin Bank, số in trên thẻ: 97041501 0459 8928, mang tên TRU THỊ LIEN; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 073072071 mang tên Đào Xuân Thịnh do Công an tỉnh Hà G cấp ngày 28/01/2008 .

- Trả lại bị cáo Phạm Văn H: 01 thẻ căn cước công dân số 002082000419, mang tên Phạm Văn H do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/02/2021.

Tình trạng và đặc điểm của vật chứng như biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Vị X và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị X, tỉnh Hà G ngày 12/4/2022.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 340.000đ (*Ba trăm bốn mươi nghìn đồng*) là tiền bị cáo Phạm Văn H được chia do bán xe trộm cắp mà có. Hiện đang được quản lý tại Kho bạc Nhà nước huyện Vị X theo Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản để bảo quản số 04/(1)BBBQ-KBNNVX ngày 09/3/2002 giữa Công an huyện Vị X và Kho bạc nhà nước huyện Vị X.

5. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo PHÀN VĂN H không phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Phạm Văn H không phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 125.000đ (*Một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Báo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà G;
- VKSND tỉnh Hà G;
- VKSND huyện Vị X;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà G;
- TTTGPL tỉnh Hà G;
- Công an huyện Vị X;
- Chi cục THA huyện Vị X;
- UBND xã Quảng Ngân;
- UBND thị trấn Nông trường Việt Lâm
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

T.M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thu Hiền

